

Bản tin chứng khoán

Trong số này

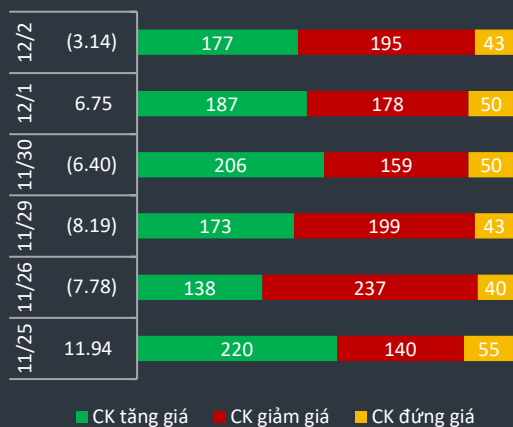
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VCI		34.77
HSG		28.64
NKG		25.13
VNM		22.32
DGC		16.21
OCB		14.50
VRE		13.19
GDT		12.22
NLG	(58.13)	
CII	(61.12)	
KBC	(64.69)	
MSN	(77.07)	
HPG	(107.90)	
DXG	(160.33)	

Tiếp nối phiên tăng đầu tháng 12, thị trường hôm nay mở cửa xanh nhẹ và duy trì khoảng cách 3- 5 điểm trong hầu hết thời gian giao dịch. Tuy nhiên khi chỉ số Vnindex đạt đỉnh cao mới thì lực bán lớn đổ mạnh dồn vào nhóm blue chip đã làm thị trường đảo chiều chỉ trong thời gian ngắn. Diễn biến tăng trước giảm sau trong phiên hôm nay xuất hiện trên nền thanh khoản rất thấp. Giao dịch trong ngày của sàn HOSE chỉ đạt 23 ngàn tỷ thấp hơn 30% so với những phiên trước khi mà giao dịch luôn ngập ngừng 30 ngàn tỷ.

Nhóm VN30 giảm sâu hơn so với Vnindex nhưng cũng chỉ có khoảng 17 cổ phiếu giảm so với 13 mã tăng. Ở chiều giảm nhiều mã ngân hàng rơi nặng nhất như VPB, STB, HDB và có thêm SSI, MWG. Trong những phiên gần đây VIC đóng vai trò quan trọng trong việc giữ chỉ số và hôm nay VIC vẫn đóng góp tăng 1.1% cùng với PLX, PDR, SAB và MSN.

Các nhóm ngành quan trọng như ngân hàng, thép, phân bón, chứng khoán đều đảo chiều và giảm sâu nhất. Ngân hàng có 15/27 mã giảm trong đó MSB, LPB, MBB, TCB giảm trên 1%. OCB trong ngày vẫn giữ xanh nhẹ lên 28.5. Nhóm chứng khoán rơi nhiều nhất nhưng các mã lớn như HCM, VND chỉ giảm quanh 1%.

Trong xu hướng điều chỉnh vẫn có những cổ phiếu ngược dòng duy trì đà tăng tốt như BMC, DIG, IDC, FRT, KBC, PAN, ASM, PDR dù mức tăng chỉ trên 2% một chút. Bất ngờ nhất là nhiều cổ phiếu thép, phân bón tăng mạnh đầu phiên nhưng đều đảo chiều giảm mạnh sau đó như HSG, NKG, DPM, DCM, GEX ...

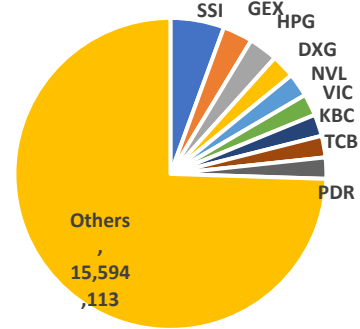
Khối ngoại trong ngày bán ròng hơn 800 tỷ đồng trong đó tập trung vào cổ phiếu bất động sản DXG 160 tỷ, HPG bán ròng 107 tỷ, MSN 77 tỷ, KBC 65 tỷ. Phía mua ròng khá ít và chỉ có vài cổ phiếu mua nhiều như VCI, HSG, NKG, VNM mua ròng tầm 30 tỷ đồng mỗi mã.

Vnindex 1,482.05

▼ -3.14 (-0.21%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
DHG	109.1	7,100	6.96
PLX	55.5	1,200	2.21
PDR	94.8	1,800	1.94
SAB	159.0	2,500	1.60
MSN	152.0	2,100	1.40
VIC	107.2	1,200	1.13
POW	14.2	150	1.07
GVR	38.7	150	0.39
VJC	120.4	400	0.33
TPB	48.4	150	0.31
NVL	114.3	300	0.26
PNJ	97.4	100	0.10
VCB	99.1	100	0.10
GAS	98.4	(100)	(0.10)
VNM	87.4	(100)	(0.11)
VRE	29.7	(50)	(0.17)
BID	44.2	(100)	(0.23)
VIB	42.9	(100)	(0.23)
CTG	33.8	(200)	(0.59)
HVN	22.9	(150)	(0.65)
VHM	82.3	(600)	(0.72)
HPG	48.6	(400)	(0.82)
BVH	60.6	(500)	(0.82)
ACB	33.2	(300)	(0.90)
FPT	97.2	(1,000)	(1.02)
REE	69.0	(900)	(1.29)
TCB	51.7	(700)	(1.34)
MBB	29.1	(400)	(1.36)
MWG	137.0	(1,900)	(1.37)
HDB	31.5	(500)	(1.56)
STB	29.3	(600)	(2.01)
SSI	54.0	(1,200)	(2.17)
VPB	37.0	(900)	(2.37)
BCM	53.0	(1,600)	(2.93)



Thị trường giảm nhẹ chỉ 3 điểm và chỉ số Vnindex lui về 1482. Điều đáng lo ngại là thanh khoản thị trường sụt giảm dần và suy yếu hẳn so với 2 tuần trước đó. Thị trường sau khi đạt đỉnh cao mới 1500 đã bị đuối sức và đang có dấu hiệu suy yếu dần. Những tin tức gần đây liên quan đến biến chủng virus mới cùng những biến động giá dầu, nguyên vật liệu càng làm gia tăng lo ngại hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục chu kỳ khó khăn mới. Chúng tôi lưu ý thị trường đang đi vào giai đoạn phân phối vì vậy nhà đầu tư tăng cường giảm bớt tỷ trọng khi giá đạt mục tiêu và chỉ tích lũy ở những phiên điều chỉnh mạnh. Việc kiếm lợi nhuận trong giai đoạn hiện tại sẽ khó khăn hơn trước khi nhiều cổ phiếu không còn tăng bất chấp mà sẽ phân hóa mạnh và xu hướng đi ngang nhiều hơn.

Cổ phiếu quan tâm

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
TCB	51.7	(5.8)	50	75	Mua quanh 53-55. Mục tiêu 75	11/24/2021	-6.0%
DPM	49.8	1.5	44	60	Mua quanh 47-48. Mục tiêu 60	11/23/2021	1.6%
DCM	39.1	5.8	32	45	Mua quanh 35-36. Mục tiêu 45	11/23/2021	7.1%
HSG	39.4	1.0	35	50	Mua quanh 38-39. mục tiêu 50	11/23/2021	2.3%
PET	30.8	1.5	25	35	Mua vào quanh 28, mục tiêu 35	10/6/2021	10.0%
LCG	21.7	15.5	15	24	Mua vào quanh 18	9/28/2021	55.0%
DPR	82.0	(1.2)	57	95	Mua vào quanh 80, nắm giữ	9/21/2021	22.4%
GVR	38.7	2.2	28	47	Nắm giữ, mục tiêu 47	7/12/2021	31.6%
HCM	47.7	-	44	60	Nắm giữ	7/12/2021	40.3%
VCI	78.2	(3.0)	47	80	Nắm giữ, Mua thêm quanh 65	7/12/2021	59.6%
SSI	54.0	(1.8)	45	60	Nắm giữ	7/12/2021	63.6%
MBB	29.1	(5.8)	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 32	7/12/2021	0.3%
OCB	28.5	(6.6)	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 20-22	7/12/2021	23.9%
HPG	48.6	(1.3)	44	65	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 50	7/12/2021	8.0%
DGW	128.0	(6.2)	120	150	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 110	3/3/2021	156.0%
REE	73.0	3.1	50	80	Chốt lãi	7/12/2021	43.1%
IDC	87.0	(6.7)	45	85	Chốt lãi	9/21/2021	74.0%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

ITC	6.86
DXG	6.86
HAG	6.88
TNT	6.90
SVT	6.91
JVC	6.92
CTD	6.95
TCD	6.95
VGC	6.97
YBM	7.00
YBM	7.00
KSH	10.34

Top tăng giá HNX

AMV	9.22
VHE	9.26
ICG	9.49
V12	9.64
L43	9.68
IVS	9.69
PPP	9.76
VMC	9.77
HUT	9.87
LDP	9.87
VC9	9.93
VIT	9.94
KVC	10.00
VTV	10.00
DID	14.84

CTG - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Vietinbank - Ngày 01/12, HĐQT đã có nghị quyết thông qua phương án chia cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 8%. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức vào 15/12/2021 và thanh toán bắt đầu từ 17/1/2022.

BCM - Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP - Công ty dự kiến trả cổ tức đợt 2 năm 2020 với tỷ lệ 4%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ nhận 400 đồng. Ngày đăng ký cuối cùng là 13/12 và ngày thanh toán là 30/12/2021.

Với 1.035 triệu cổ phiếu đang lưu hành, ước tính công ty sẽ trả tổng cộng 414 tỷ đồng cho cổ đông. Trước đó, trong tháng 7/2021, công ty đã chia cổ tức đợt 1 năm 2020 với tỷ lệ 4% cho cổ đông.

NVL - CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va – Đã thông qua phương án phát hành hơn 456,8 triệu cổ phiếu trả cổ tức theo tỷ lệ 100:31 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 31 cổ phiếu mới). Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức vào 27/12/2021.

GDT - Công ty cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành - Muốn giảm chỉ tiêu lãi ròng năm nay chỉ còn 51,7 tỷ đồng thay vì kỳ vọng đạt 86,4 tỷ đồng như kế hoạch thông qua trước đó.

DXS - CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh - Sẽ trình cổ đông phương án điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2021. Trong đó, chỉ tiêu doanh thu thuần hợp nhất giảm từ 7.598 tỷ đồng xuống 4.200 tỷ đồng, tương đương giảm 45%; lãi sau thuế giảm từ 1.483 tỷ đồng xuống 800 tỷ đồng, giảm 46%.

KPF - CTCP Đầu tư Tài chính Hoàng Minh – Đã thông qua việc triển khai phát hành 66,5 triệu cổ phiếu chào bán riêng lẻ cho 5 nhà đầu tư (cả tổ chức và cá nhân), với giá 13.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý IV/2021 – Quý I/2022.

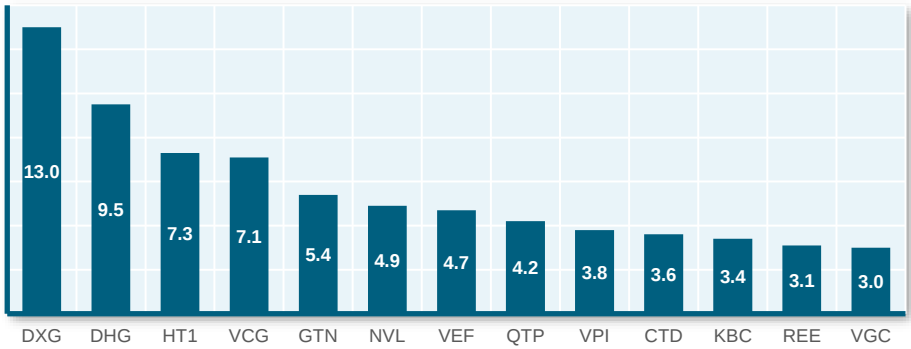
SJS - CTCP Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà - Thông báo, thay đổi thời gian trả cổ tức năm 2016 và 2017 từ 31/12/2021 sang 31/12/2022.

TIG - CTCP Tập đoàn Đầu tư Thăng Long - Ngày 30/11, HĐQT thông qua việc nhận chuyển nhượng 30 triệu cổ phần, tương ứng 85,71%/vốn điều lệ của CTCP Đầu tư Phát triển Bất động sản và Năng lượng tái tạo Việt Nam. Sau khi nhận chuyển nhượng, TIG sẽ nắm giữ 33,5 triệu cổ phần, tương ứng tỷ lệ sở hữu 95,71% của Công ty trên.

Cùng ngày, TIG thông qua việc mua 11,4 triệu cổ phần trong đợt phát hành thêm của CTCP Đầu tư Thăng Long Phú Thọ, qua đó, nâng sở hữu tại Đầu tư Thăng Long Phú Thọ lên 38,4 triệu cổ phần, tương ứng tỷ lệ 60%.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	37.0	10,419,400	7.3	1.5	-	-	164,483	15.00	5,056	24,447
VIB	HOSE	42.9	2,183,800	7.6	3.2	41,400	800	66,630	20.98	5,638	13,552
VCB	UPCOM	99.1	787,700	17.9	3.5	322,200	497,600	367,550	23.65	5,532	28,293
VBB	HNX	18.8	46,655	22.7	1.6	-	-	8,980	0.01	830	11,579
VAB	HOSE	18.3	669,590	15.3	1.3	2,000	-	8,143	0.01	1,196	13,597
TPB	HOSE	48.4	5,754,000	10.6	2.6	417,100	300,100	56,709	29.58	4,565	18,925
TCB	HOSE	51.7	8,970,600	11.2	2.2	289,900	289,900	181,514	23.00	4,614	23,938
STB	UPCOM	29.3	13,458,600	15.2	1.7	1,010,200	913,300	55,237	17.38	1,922	16,846
SSB	HOSE	39.6	2,243,100	23.0	3.2	-	-	58,474	0.03	1,723	12,310
SHB	HOSE	23.6	11,147,000	10.8	1.7	28,500	29,300	50,119	3.63	2,183	14,014
SGB	HNX	18.8	174,877		1.6	4,000	-	5,790	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	37.2	211,676	50.3	2.7	15,100	-	11,160	15.00	739	13,529
OCB	HNX	28.5	3,353,200	7.5	1.6	506,300	-	39,042	21.99	3,799	17,827
NVB	HOSE	29.6	883,225	144.4	2.8	-	47,300	12,041	8.34	205	10,726
NAB	HOSE	21.3	458,554	6.3	1.3	4,100	200	9,722	0.03	3,367	16,324
MSB	HOSE	26.2	5,148,900	8.0	1.5	1,500	-	40,021	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	29.1	7,310,900	7.5	1.5	1,130,300	968,000	109,949	24.00	3,897	19,986
LPB	HOSE	22.4	6,600,400	8.6	1.5	400	5,600	26,960	3.95	2,591	14,466
KLB	HOSE	24.0	88,801	11.8	1.7	-	-	8,676	0.01	2,035	14,117
HDB	HOSE	31.5	6,081,500	8.2	1.8	201,000	518,200	62,755	17.62	3,854	17,399
EIB	HOSE	27.8	487,700	31.8	2.0	4,000	24,200	34,178	29.63	874	14,061
CTG	HOSE	33.8	7,856,200	7.7	1.4	1,007,300	1,647,200	162,434	25.29	4,394	25,028
BVB	HOSE	24.0	1,860,962	20.7	1.9	-	-	8,810	0.07	1,157	12,737
BID	HOSE	44.2	1,367,300	17.6	2.1	15,900	11,200	177,773	16.68	2,512	21,036
BAB	HOSE	23.8	57,588	25.1	1.9	4,000	-	17,925	-	950	12,242
ACB	HOSE	33.2	2,645,000	7.2	2.2	-	-	89,705	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	22.2	987,045	7.9	1.3	-	-	12,683	30.00	2,801	16,671
			101,254,273	19.70	1.97	5,005,200	5,252,900	1,847,463		2,766	16,602



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	CMD	UPCoM	23/12/2021	24/12/2021	12/1/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	PHN	HNX	23/12/2021	24/12/2021	10/1/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	VSI	HOSE	14/12/2021	15/12/2021	30/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	SHI	HOSE	10/12/2021	13/12/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 2:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
5	MSH	HOSE	9/12/2021	10/12/2021	24/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 4,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	MST	HNX	9/12/2021	10/12/2021	24/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	MST	HNX	9/12/2021	10/12/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:4	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
8	QPH	UPCoM	8/12/2021	9/12/2021	28/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	ASP	HOSE	8/12/2021	9/12/2021	24/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	BCG	HOSE	6/12/2021	7/12/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 2:1, giá 12,000 đồng/CP	Phát hành thêm
11	DRL	HOSE	3/12/2021	6/12/2021	22/12/2021	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	GND	UPCoM	3/12/2021	6/12/2021	22/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	HPP	UPCoM	2/12/2021	3/12/2021	20/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	SEB	HNX	2/12/2021	3/12/2021	16/12/2021	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	SBM	UPCoM	1/12/2021	2/12/2021		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
16	TNW	UPCoM	30/11/2021	1/12/2021	15/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 570 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	IHK	UPCoM	30/11/2021	1/12/2021	15/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	TCD	HOSE	30/11/2021	1/12/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
19	MA1	UPCoM	30/11/2021	1/12/2021	15/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	CLH	HNX	30/11/2021	1/12/2021	15/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	KDC	HOSE	30/11/2021	1/12/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Thưởng cổ phiếu
22	QTC	HNX	29/11/2021	30/11/2021	15/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	THP	UPCoM	29/11/2021	30/11/2021	20/01/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	SBA	HOSE	29/11/2021	30/11/2021	15/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	SGR	HOSE	29/11/2021	30/11/2021	20/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	FCM	HOSE	29/11/2021	30/11/2021	14/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	FCM	HOSE	29/11/2021	30/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
28	SEP	UPCoM	29/11/2021	30/11/2021	27/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Tổng hợp kết quả kinh doanh Q3.2021

Ngành	Số DN	DT 9T.2020	DT 9T.2021	%	LN 9T.2020	LN 9T.2021	%
Ngân hàng	27	198,839.82	258,217.79	29.9%	75,681.66	109,596.51	44.8%
Bất động sản	79	184,251.23	231,588.94	25.7%	29,047.18	43,326.16	49.2%
Dịch vụ tài chính	39	18,811.40	34,391.88	82.8%	4,065.13	12,078.97	197.1%
Dầu khí	22	272,421.96	332,746.37	22.1%	2,927.65	14,305.20	388.6%
Thực phẩm và đồ uống	75	235,815.68	251,010.55	6.4%	20,759.15	21,700.93	4.5%
Sản xuất và KD Thép	26	170,680.56	253,124.22	48.3%	9,969.25	35,433.69	255.4%
Bất động sản KCN	21	34,477.69	41,022.64	19.0%	5,523.15	7,474.69	35.3%
Điện	43	113,909.05	93,270.96	-18.1%	6,746.48	10,271.53	52.3%
Vận tải - Logistics	73	69,641.33	84,393.96	21.2%	4,567.27	7,087.62	55.2%
Công nghệ Thông tin	19	27,754.20	31,441.29	13.3%	2,746.08	3,226.76	17.5%
Vật liệu xây dựng	41	39,182.16	41,188.56	5.1%	3,360.53	3,735.53	11.2%
Bảo hiểm	12	44,114.42	47,818.64	8.4%	3,138.99	3,967.79	26.4%
Phân bón	13	26,744.35	36,070.62	34.9%	25.91	2,392.16	9132.5%
Xây dựng	113	113,332.43	122,912.58	8.5%	6,146.17	5,131.11	-16.5%
Y tế	35	38,315.15	35,467.99	-7.4%	2,125.84	2,229.91	4.9%
Hóa chất	24	32,936.63	47,082.16	42.9%	1,767.42	2,580.47	46.0%
Nước	48	16,177.90	16,359.90	1.1%	2,097.46	2,345.69	11.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	30	35,690.97	36,240.25	1.5%	1,933.16	1,910.13	-1.2%
Dệt May	21	40,979.66	42,409.79	3.5%	1,183.75	2,031.11	71.6%
Thủy sản	23	41,516.25	44,539.74	7.3%	1,929.57	2,157.15	11.8%
Khoáng sản	30	46,601.30	56,333.45	20.9%	762.00	1,065.63	39.8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69	59,365.08	67,950.53	14.5%	7,089.88	8,602.05	21.3%
Tài nguyên Cơ bản	19	17,407.79	21,540.43	23.7%	473.80	1,298.03	174.0%
Bán lẻ	23	135,505.76	150,335.61	10.9%	3,311.69	4,719.81	42.5%
Cao su	13	2,861.45	3,884.68	35.8%	314.82	730.75	132.1%
Truyền thông	28	5,963.07	6,134.91	2.9%	439.38	609.73	38.8%
Ô tô và phụ tùng	11	27,097.78	25,469.26	-6.0%	644.48	538.95	-16.4%
Bao bì	16	14,803.44	20,276.07	37.0%	576.74	271.83	-52.9%
Xây dựng và Vật liệu	59	22,218.41	21,591.16	-2.8%	1.88	223.43	11763.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	5,102.99	5,239.13	2.7%	48.41	83.41	72.3%
Viễn thông	5	25,840.95	25,954.55	0.4%	2,844.94	1,313.18	-53.8%
Du lịch và Giải trí	28	12,473.61	10,452.49	-16.2%	(16.79)	(222.92)	
Tổng Cộng	1090	2,130,834.48	2,496,461.13	17.2%	202,233.03	312,217.00	54.4%



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931